

DỰ THẢO

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII

Năm năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tiến hành trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy đang nổi lên; việc điều chỉnh chiến lược và sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn khiến các nước nhỏ luôn phải ứng phó với những biến động khó lường. Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động, nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định, nhất là vấn đề Biển Đông. Kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ. Các vấn đề an ninh phi truyền thống như: An ninh tài chính, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh mạng, dịch bệnh... ảnh hưởng lớn đến phát triển bền vững đất nước.

Ở trong nước, sự nghiệp đổi mới được đẩy mạnh. Kinh tế, văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển; quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Sự chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động ngày càng tinh vi hơn; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ và tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực... còn diễn biến phức tạp. Đặc biệt là đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đã tác động mạnh đến nước ta, gây thiệt hại về kinh tế - xã hội và sự phát triển của đất nước.

Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Trung ương và cấp uỷ các cấp đặc biệt coi trọng, triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và đạt được nhiều kết quả rõ rệt, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Việc chuẩn bị văn kiện, nhân sự và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được tiến hành rất tích cực, khẩn trương, đúng quy định và có đổi mới, chất lượng tốt.

I- TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII

1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị

Công tác xây dựng Đảng về chính trị được đặc biệt chú trọng. Đảng ta luôn vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định những nguyên tắc trong đường lối đổi mới và trong công tác xây dựng Đảng.

Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng được nâng lên rõ rệt. Ban Chấp hành Trung ương đã bám sát Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nhất là 6 nhiệm vụ trọng tâm, ban hành 14 nghị quyết và 1 quy định, trong đó có 4 nghị quyết và 1 quy định¹ về công tác xây dựng Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều văn bản² về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong đó có các chủ trương, nghị quyết để lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ mới, quan trọng³. Việc Trung ương ban hành kịp thời, đồng bộ hệ thống văn bản trên hầu hết các lĩnh vực đã tạo cơ sở chính trị quan trọng để đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã kịp thời thể chế hoá, cụ thể hoá các đường lối, chủ trương của Đảng thành các nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch, chương trình hành động sát với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị⁴. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã ban hành các nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá; khắc phục điểm yếu, giải quyết hiệu quả nhiều vấn đề phức tạp của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng lên, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức trong bối cảnh thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường⁵ và có những quyết sách phù hợp để chỉ đạo xử lý kịp thời, hiệu quả. Bản chất, lập trường giai cấp công nhân được giữ vững; đa số cán bộ, đảng viên tin tưởng, quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Tuy nhiên, việc cụ thể hoá, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa kịp thời, chưa sát thực tế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số chủ trương, nghị quyết có nơi, có lúc chưa quyết liệt, còn yếu kém, chậm trễ nhưng chưa xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số ít hoang mang, dao động, mất lòng tin; cá biệt còn

phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng.

2. Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được tăng cường, đã góp phần nâng cao nhận thức, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong xã hội. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh, nội dung, hình thức đa dạng, phong phú hơn.

Tư duy lý luận của Đảng có bước phát triển. Hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục được bổ sung, phát triển⁶. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh, góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng. Các cơ quan lý luận của Đảng, Nhà nước được tổ chức, sắp xếp lại, hoạt động hiệu quả hơn; cơ chế hoạt động, quản lý công tác nghiên cứu lý luận từng bước đổi mới. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh hơn⁷.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp; tăng cường quản lý, kỷ luật trong giảng dạy, học tập; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên; từng bước khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị, dạy và học hình thức.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản có chuyển biến tích cực. Việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ⁸. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, chuyển biến tích cực.

Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng có nhiều đổi mới. Bộ Chính trị kịp thời ban hành kế hoạch thực hiện, xác định rõ nhiệm vụ của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, đồng thời, tổ chức hội nghị trực tuyến từ Trung ương đến cơ sở⁹, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống; chất lượng học tập, quán triệt được nâng lên, tiết kiệm thời gian, kinh phí.

Mặc dù vậy, công tác tư tưởng có nơi, có lúc thiếu kịp thời, chưa sắc bén, tính thuyết phục chưa cao; việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên. Công tác thông tin, tuyên truyền một số đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa kịp thời, hình thức chưa phong phú. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi tính chiến đấu chưa cao, còn bị động, lúng túng; việc nắm bắt, định hướng dư luận xã hội có lúc chưa kịp thời. Kết quả thực hiện một số chủ trương của Đảng về quản lý báo chí, truyền thông, xuất bản, quản lý Internet, mạng xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng chưa được phát huy đầy đủ¹⁰. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu; một số vấn đề mới, khó, phức tạp thực tiễn đặt ra chưa được làm sáng tỏ.

3. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng đề cao. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đã nhận diện 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Bộ Chính trị ban hành Quy định 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, kịp thời chấn chỉnh tác phong công tác, lối sống xa hoa, lãng phí gây phản cảm trong xã hội và gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, giản dị, tiết kiệm. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định 08-QĐi/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, chỉ rõ 8 nội dung các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải gương mẫu đi đầu thực hiện và 8 nội dung phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống; đồng thời, yêu cầu cán bộ giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chỉ đạo xây dựng và ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm cụ thể của ngành, cơ quan, đơn vị, làm cơ sở để cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trong công tác và sinh hoạt¹¹.

Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có tiến bộ. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", cả

cán bộ đương chức và nghỉ hưu đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã nghiêm túc chỉ đạo, tổ chức thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã gương mẫu, nghiêm túc thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, chú trọng gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân có biểu hiện vi phạm¹². Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã dành thời gian thoả đáng để kiểm điểm ở cấp mình, trực tiếp dự, chỉ đạo, gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý; coi trọng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau tự phê bình và phê bình¹³.

Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; đã có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đạt kết quả tích cực¹⁴. Các cấp uỷ, tổ chức đảng coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương "người tốt, việc tốt" bằng nhiều hình thức phong phú, có tác dụng lan toả trong Đảng và trong xã hội¹⁵.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức đã góp phần đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị¹⁶; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, tiên phong, gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng về đạo đức vẫn còn có những hạn chế: Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ, chưa nêu cao ý thức và trách nhiệm trước nhân dân. Thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ vi phạm đến mức phải kỷ luật, xử lý hình sự, trong đó có cả Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương. Việc đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ. Tự phê bình và phê bình ở không ít nơi còn hình thức; tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi; một

bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được giao. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên còn thụ động, hiệu quả thấp.

4. Xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đạt được kết quả quan trọng, rõ nét, có nhiều đổi mới, triển khai thực hiện quyết liệt với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, có trọng tâm, trọng điểm, bước đầu đã khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm tồn tại trong thời gian dài.

Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành, chỉ đạo thực hiện 2 nghị quyết về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị¹⁷; Bộ Chính trị ban hành kế hoạch và các nghị quyết, kết luận để thực hiện¹⁸; Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật¹⁹, là cơ sở chính trị, pháp lý để các cấp thực hiện có hiệu quả. Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã chủ động cụ thể hoá và xây dựng văn bản, kế hoạch, đề án phù hợp với tình hình thực tế và triển khai thực hiện nghiêm túc với nhiều cách làm sáng tạo, bước đầu tạo chuyên biến tích cực trên nhiều lĩnh vực.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được rà soát, bổ sung²⁰, từng bước được hoàn thiện, khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo. Trên cơ sở đó, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc theo nguyên tắc một tổ chức, một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn hơn; giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý²¹, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xây dựng chính quyền điện tử... nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Một số mô hình tổ chức mới được thực hiện thí điểm²² đã góp phần tinh gọn bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động, phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành theo hướng hiệu lực, hiệu quả hơn. Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố được hợp nhất, sắp xếp lại cho phù hợp²³. Việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị đạt kết quả rõ nét. Biên chế của cả hệ thống chính trị có xu hướng giảm liên tục qua các năm gần đây, cơ bản bảo đảm lộ trình theo quy định²⁴. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn gắn với tinh giản biên chế đã góp phần giảm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển²⁵.

Tuy vậy, việc hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị cho phù hợp với tình hình thực tiễn còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở một số nơi thiếu kiên quyết, đồng bộ và chưa đạt mục tiêu đề ra; cá biệt có nơi còn nóng vội, chưa có bước đi vững chắc. Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa thật sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Xây dựng vị trí việc làm còn lúng túng, tiến độ triển khai còn chậm so với mục tiêu đề ra.

5. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm hơn và có chuyển biến tích cực. Số lượng đảng viên tiếp tục tăng, số lượng tổ chức cơ sở đảng giảm do được kiện toàn phù hợp với việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị²⁶, góp phần giảm chi ngân sách nhà nước.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tổng kết một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và ban hành một số chủ trương mới²⁷; rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng²⁸.

Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương kiện toàn tổ chức cơ sở đảng theo Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy đã được Bộ Chính trị phê duyệt²⁹. Tổ chức đảng trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế tiếp tục được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động. Công tác xây dựng tổ chức đảng ở ngoài nước được quan tâm hơn. Kết thúc hoạt động của chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn, chuyên đảng viên về sinh hoạt với các chi bộ khu dân cư, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ.

Nhiều cấp ủy cơ sở đã đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác; tập trung lãnh đạo giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp ở cơ sở. Hầu hết các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị³⁰. Chủ trương và mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân được thực hiện ở hầu hết các xã, phường, thị trấn; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ở những nơi đủ điều kiện; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở³¹. Hầu hết cấp ủy viên các cấp được phân công theo dõi, phụ trách các tổ chức đảng trực thuộc, trực tiếp dự sinh hoạt chi

bộ; nhiều nơi phân công đảng viên theo dõi, phụ trách hộ gia đình, góp phần nắm chắc tình hình, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên; nhiều cấp uỷ đã ban hành hướng dẫn nội dung sinh hoạt đối với từng loại hình chi bộ, ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ. Nhiều chi bộ đã đưa việc tự phê bình và phê bình, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào nội dung sinh hoạt hằng tháng; tăng cường sinh hoạt chuyên đề, từng bước khắc phục tình trạng đơn điệu, hình thức trong sinh hoạt đảng.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng loại hình tổ chức đảng, từng đối tượng đảng viên. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thực chất hơn, sát với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Công tác khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, đúng đối tượng hơn.

Công tác kết nạp đảng viên đạt kết quả tích cực³². Việc thí điểm kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng đạt được một số kết quả bước đầu³³. Tình trạng thôn, bản chưa có tổ chức đảng, đảng viên đã cơ bản được khắc phục³⁴, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở những địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn thấp, nhất là việc tổ chức thực hiện nghị quyết và khả năng phát hiện, đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở. Công tác xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn lúng túng, hạn chế³⁵; công tác phát triển đảng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo còn nhiều khó khăn. Sinh hoạt chi bộ ở nhiều nơi vẫn còn hình thức, sinh hoạt chuyên đề chưa được coi trọng, tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình còn yếu. Tỷ lệ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên còn cao³⁶. Kết nạp đảng viên một số nơi còn chạy theo số lượng, chưa coi trọng đúng mức chất lượng; động cơ vào Đảng của một số cá nhân chưa đúng đắn. Công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên chưa được quan tâm đúng mức; việc rà soát, sàng lọc đảng viên chưa thường xuyên, thiếu cương quyết. Tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút; số đảng viên bỏ sinh hoạt đảng phải xoá tên có xu hướng tăng³⁷.

6. Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ

Công tác cán bộ có nhiều đổi mới, được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ và đạt một số kết quả quan trọng; về tổng thể, đội ngũ cán bộ đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban Chấp hành Trung ương đã chú trọng lãnh đạo nghiên cứu, tổng kết thực tiễn làm cơ sở ban hành nghị quyết về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và kết luận về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, phù hợp với tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới³⁸. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo từng bước hoàn thiện thể chế về công tác cán bộ; xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định, quy chế về đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền³⁹; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Quy trình công tác cán bộ tiếp tục được đổi mới, trong nhiệm kỳ đã đẩy mạnh thí điểm đổi mới cách tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn. Việc chống chạy chức, chạy quyền được coi trọng, có chuyển biến.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, gắn với tiêu chuẩn chức danh và quy hoạch cán bộ được quan tâm, chú trọng và đầu tư tương xứng⁴⁰. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được chú trọng và đổi mới, gắn với nhu cầu thực tiễn⁴¹. Nhìn chung, những cán bộ được điều động, luân chuyển cơ bản phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và khẳng định năng lực lãnh đạo, quản lý bằng những kết quả cụ thể.

Bộ Chính trị đã chỉ đạo đợt tự kiểm tra, rà soát việc thực hiện công tác cán bộ trong toàn hệ thống chính trị⁴². Căn cứ kết quả rà soát⁴³, Ban Bí thư đã ban hành kết luận⁴⁴ chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm, kịp thời chấn chỉnh công tác cán bộ và tập trung xử lý dứt điểm các trường hợp chưa thực hiện đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và những tập thể, cá nhân vi phạm. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế về công tác cán bộ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm hơn, đã góp phần quan trọng bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Công tác thẩm định, kết luận tiêu chuẩn chính trị, nhất là vấn đề chính trị hiện nay đối với cán bộ, đảng viên được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ hơn, góp phần nâng cao chất lượng công tác cán bộ⁴⁵, phục vụ kịp thời công tác nhân sự đại hội đảng

bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng. Những trường hợp có vấn đề chính trị hoặc có quan hệ chính trị phức tạp được thẩm tra, xác minh làm rõ, kết luận phục vụ công tác cán bộ và công tác đảng viên, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ cán bộ.

Tuy vậy, việc thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương của Đảng về một số nội dung trong công tác cán bộ còn chậm, còn một số ít nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng⁴⁶. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, mặc dù đã có nhiều đổi mới nhưng vẫn còn không ít trường hợp chưa phản ánh đúng thực chất. Việc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử có nơi chưa bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình. Chính sách cán bộ chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều; nhiều cán bộ thiếu tính chuyên nghiệp. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo và cấp uỷ viên là nữ, trẻ vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra⁴⁷. Thủ tục hành chính trong một số khâu của công tác cán bộ chậm được cải tiến. Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu về yêu cầu, nhiệm vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới chưa đầy đủ, sâu sắc, toàn diện. Công tác nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay có nơi, có lúc còn hạn chế. Hiện tượng lộ, lọt bí mật, phát ngôn không đúng quy định vẫn còn xảy ra ở một số nơi nhưng chưa được ngăn chặn, xử lý kịp thời; nhiều nơi còn tình trạng nể nang, chưa chỉ rõ những cán bộ có biểu hiện chạy chức, chạy quyền, cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực. Việc phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ còn thiếu chủ động.

7. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, có nhiều đổi mới, đạt kết quả quan trọng; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp được đẩy mạnh, đạt kết quả khá toàn diện, nhất là ở cấp Trung ương. Qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng được siết chặt hơn, có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Các quy định, quy chế, hướng dẫn về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành bảo đảm đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn⁴⁸, xác định rõ hơn nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát làm cơ sở để xem xét, đánh giá, kết luận, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân vi phạm và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát tập trung vào những lĩnh vực, địa bàn dễ phát sinh tiêu cực, những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội và kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài, dư luận quan tâm đã được xem xét, kết luận và xử lý nghiêm minh. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được nhiều cấp uỷ quan tâm chỉ đạo, giải quyết kịp thời, đúng quy định, trong đó có một số vụ tồn đọng, kéo dài, được giải quyết dứt điểm.

Sự phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả hơn, hạn chế sự chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý đề đề xuất bổ sung, sửa đổi các văn bản có liên quan cho phù hợp. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Cấp uỷ, tổ chức đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên đạt kết quả khá toàn diện⁴⁹.

Mặc dù vậy, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới; chất lượng, hiệu quả chưa đồng đều ở các cấp. Công tác kiểm tra ở một số nơi thiếu trọng tâm, trọng điểm; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng vẫn là khâu yếu; công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ chưa đi vào nền nếp. Công tác giám sát ở các cấp chưa thường xuyên, có nơi, có lúc chưa thực chất, phạm vi, đối tượng còn hẹp; hiệu quả phát hiện, cảnh báo, phòng ngừa vi phạm còn hạn chế. Việc thi hành kỷ luật đảng ở một số nơi chưa nghiêm, còn hiện tượng nể nang, né tránh, ngại va chạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chậm, có nơi còn né tránh.

8. Công tác dân vận và tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

Công tác dân vận được chú trọng và tiếp tục đổi mới; quan điểm "dân là gốc", là chủ thể của công cuộc đổi mới được nhận thức và thực hiện ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố, tăng cường. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị được nâng cao; coi trọng việc lắng nghe, nắm tình hình và giải quyết những nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân; góp phần tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân và phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

Trung ương đã tổng kết, sơ kết, ban hành nhiều chủ trương⁵⁰ và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, nhất là đối với những địa bàn, lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, những nơi xảy ra điểm nóng, khiếu kiện kéo dài, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là dân vận chính quyền được đẩy mạnh và thực hiện khá đồng bộ ở các cấp, các ngành⁵¹, từng bước thay đổi nhận thức và nâng cao trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Chính phủ đã xây dựng, vận hành hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của nhân dân và doanh nghiệp⁵²; nhiều địa phương đã công khai đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kiến nghị của nhân dân. Phong trào thi đua "Dân vận khéo" được mở rộng về phạm vi và đối tượng, trở thành hoạt động thường xuyên và có hiệu quả.

Công tác tiếp và đối thoại với dân của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền từng bước đi vào nền nếp⁵³. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp và nhân dân theo các quyết định của Bộ Chính trị⁵⁴ được đẩy mạnh và có chuyển biến tích cực⁵⁵.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là ở những địa bàn phức tạp chưa kịp thời, sâu sát. Công tác vận động, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và trách nhiệm của nhân dân còn một số bất cập. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân ở một số nơi chưa thường xuyên, hiệu quả còn thấp, nhất là giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

9. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ và đạt nhiều kết quả rất quan trọng, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao và quốc tế ghi nhận. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn.

Hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh, nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, lãng phí được nâng lên; công khai kết quả xử lý, tăng cường định hướng dư luận; vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong phòng, chống tham nhũng được phát huy⁵⁶.

Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng được quan tâm hơn. Nhiều quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước được ban hành, tạo cơ sở chính trị, pháp lý để đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, vừa để phòng ngừa, ngăn chặn, vừa là căn cứ để phát hiện, xử lý vi phạm⁵⁷; từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để tiến tới không thể tham nhũng.

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí được chỉ đạo quyết liệt, chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả, tạo bước tiến mới trong phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí. Cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.209 cán bộ, đảng viên có liên quan đến tham nhũng; trong đó có 110 cán bộ diện Trung ương quản lý cả đương chức và đã nghỉ hưu⁵⁸. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đã chỉ đạo quyết liệt, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật, đã có tác dụng cảnh báo, răn đe, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy Nhà nước, khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng⁵⁹. Việc thu hồi tài sản tham nhũng có kết quả tích cực⁶⁰. Công tác phòng, chống lãng phí đã được nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả bước đầu quan trọng⁶¹.

Các cơ quan, đơn vị có chức năng chống tham nhũng được kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và tăng cường quan hệ phối hợp, nhất là các đơn vị chuyên trách thuộc Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao⁶², phát huy vai trò nòng cốt trong phát hiện, đấu tranh, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng.

Các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã tăng cường hoạt động giám sát việc thực thi pháp luật, tiến hành nhiều cuộc giám sát chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và những vấn đề liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực mà nhân dân bức xúc, dư luận quan tâm⁶³ đã mang lại hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế; tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị vẫn là khâu yếu; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được đẩy lùi. Thể chế về quản lý kinh tế - xã hội góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều bất cập; cơ chế kiểm soát quyền lực đối với tổ chức và người có chức vụ, quyền hạn chưa đủ mạnh; việc kiểm soát tài sản, thu nhập chưa chặt chẽ. Tham nhũng trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Công tác phòng, chống lãng phí chưa được chú trọng đúng mức; quy định và chế tài xử lý đối với tổ chức, cá nhân khi để xảy ra lãng phí chưa đầy đủ, đồng bộ. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

10. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường, nhất là với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân⁶⁴; đồng thời phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân.

Việc ban hành chủ trương, nghị quyết của Đảng đã bám sát thực tiễn, phát huy dân chủ, gắn với xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt. Ban Chấp hành Trung ương ban hành kịp thời các nghị quyết, quy định, kết luận để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược. Bộ Chính trị ban hành các kế hoạch thực hiện nghị quyết⁶⁵; xác định nhiệm vụ cụ thể cho các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương; chỉ đạo các cơ quan Nhà nước bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện, sớm đưa các nghị quyết vào cuộc sống.

Sau đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XII của Đảng, các cấp uỷ từ Trung ương đến cơ sở đã sớm chỉ đạo kiện toàn chức danh lãnh đạo trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy chế⁶⁶, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ hơn trách nhiệm của tập thể, cá nhân, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò chủ động của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp được phát huy. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

chủ động định hướng thông tin tuyên truyền của Đảng và đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Triển khai mạnh mẽ, rộng rãi thông tin, tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, nhất là thông qua giải báo chí về xây dựng Đảng mang tên "Búa Liềm Vàng" và giải "Báo chí với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí". Phong cách, lề lối làm việc của nhiều cơ quan lãnh đạo từ Trung ương đến cơ sở được đổi mới theo hướng bám sát thực tiễn, sâu sát cơ sở. Cải cách hành chính trong Đảng được quan tâm; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đạt kết quả bước đầu.

Công tác kiểm tra, giám sát được coi trọng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã sớm thành lập các đoàn kiểm tra việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương khoá XII, nhất là về xây dựng, chỉnh đốn Đảng⁶⁷, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh những nơi thực hiện chưa tốt, đồng thời phổ biến, nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả.

Mặc dù vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Việc thể chế hoá, cụ thể hoá một số chủ trương, nghị quyết của Đảng thành pháp luật của Nhà nước chưa đầy đủ, kịp thời. Việc ban hành nghị quyết của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi; việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số nghị quyết chưa nghiêm, hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng còn xảy ra ở một số nơi⁶⁸. Công tác vận động, giáo dục, thuyết phục đảng viên và nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có mặt còn hạn chế. Cải cách hành chính trong Đảng còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

II- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ, tổ chức đảng đặc biệt chú trọng, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và đạt được nhiều kết quả rõ rệt. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng được tập trung đầy mạnh, chỉnh đốn Đảng được chú trọng, tăng cường. Đề cao trách nhiệm của cấp uỷ, sự gương mẫu của cấp trên và người đứng đầu các cấp; phát huy dân chủ; tăng

cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân. Nhiều vấn đề khó, phức tạp đặt ra và thực hiện từ nhiều năm trước nhưng hiệu quả thấp, đến nay đã đạt được kết quả quan trọng.

Thực hiện 10 nhiệm vụ về xây dựng Đảng, nhất là 2 nhiệm vụ trọng tâm Đại hội XII đề ra, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết để lãnh đạo toàn diện, đồng bộ các mặt của công tác xây dựng Đảng và tổ chức thực hiện nhất quán từ Trung ương đến cơ sở. Công tác xây dựng Đảng về chính trị được đặc biệt chú trọng; bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương đạt kết quả tích cực. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ được thực hiện quyết liệt. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị đạt kết quả quan trọng, rõ nét. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm hơn và có chuyển biến tích cực. Công tác cán bộ có nhiều đổi mới, đội ngũ cán bộ ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, có nhiều đổi mới, đạt kết quả quan trọng; kỷ luật, kỷ cương trong Đảng được siết chặt, pháp luật Nhà nước được đề cao. Công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là dân vận chính quyền có bước đổi mới, hiệu quả được nâng lên; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có chuyển biến tích cực; khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân không ngừng được củng cố, tăng cường. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh, có bước đột phá, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, rõ rệt; tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn. Phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước đổi mới, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được nâng lên.

Công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ này đã đạt được kết quả toàn diện, trong đó nổi bật là: Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tinh giản biên chế của hệ thống chính trị; đổi mới công tác cán bộ và ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền; tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, xử lý nghiêm những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng các nhiệm kỳ qua và nhiệm kỳ Đại hội XII đã góp phần rất quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay; Đảng ta đoàn kết,

thống nhất và trong sạch, vững mạnh hơn; niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố, tăng cường hơn, tạo nên tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

Đạt được những kết quả nêu trên là do:

(1) Sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đúng đắn của Trung ương và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả của các cấp uỷ, tổ chức đảng; giải quyết kịp thời, có kết quả nhiều vấn đề mới, khó, phức tạp nảy sinh trong thực tiễn; kiên quyết khắc phục hạn chế, khuyết điểm; kế thừa những kinh nghiệm hay, bài học quý và phát huy có hiệu quả những thành tựu xây dựng Đảng của 35 năm đổi mới.

(2) Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ, tổ chức đảng đã tăng cường sự đoàn kết, thống nhất và có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng.

(3) Đa số cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu đã nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết phải tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới.

(4) Phát huy có hiệu quả vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

(5) Các cơ quan tham mưu của Đảng, Nhà nước đã chủ động, tích cực tham mưu, hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Việc thể chế hoá, cụ thể hoá một số nghị quyết của Đảng còn chậm; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Công tác tư tưởng còn có mặt hạn chế, thiếu kịp thời, tính thuyết phục chưa cao. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu, một số vấn đề mới, khó, phức tạp chưa được làm sáng tỏ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tiên phong, gương mẫu; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp. Tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi còn hình thức. Thực hiện trách nhiệm nêu gương, nhất là của người đứng đầu chưa lan toả sâu rộng.

Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động ở một số nơi thực hiện thiếu quyết liệt, chưa đạt mục tiêu đề ra. Tinh giản biên chế chưa thực sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn thấp, chưa được củng cố kịp thời. Chính sách cán bộ chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc; chưa có cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung. Công tác kiểm tra ở một số nơi chưa thường xuyên, quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm; công tác giám sát còn hẹp về phạm vi, đối tượng, kết quả chưa thực chất. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở một số địa phương, bộ, ngành còn hạn chế; tham nhũng, lãng phí vẫn còn diễn biến phức tạp. Công tác dân vận có mặt còn hạn chế; việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là đối với địa bàn phức tạp chưa kịp thời, sâu sát. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là nguyên nhân chủ quan:

(1) Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới; việc quán triệt các nghị quyết của Đảng ở một số nơi chưa kịp thời, sâu sắc.

(2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; chưa coi trọng việc tự kiểm tra, xử lý vi phạm. Một số nơi, người đứng đầu chưa phát huy hết trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, chưa gương mẫu, còn thụ động, né tránh, trông chờ vào chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

(3) Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm, thậm chí còn vi phạm, mất đoàn kết nội bộ. Kiểm soát quyền lực còn lúng túng, hiệu quả thấp.

(4) Sự phối hợp giữa một số cấp uỷ với đảng đoàn, ban cán sự đảng có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Việc phân định trách nhiệm của người đứng đầu trong mối quan hệ với cấp uỷ và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa rõ; chưa phát huy đúng mức vai trò của cá nhân trong tập thể.

(5) Việc xây dựng, phát huy vai trò của các cơ quan tham mưu về công tác xây dựng Đảng có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức; một bộ phận cán bộ tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, nâng cao bản lĩnh chính trị; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để đổi mới sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ; đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện cơ hội chính trị.

Hai là, phải đặc biệt coi trọng sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, trước hết trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt và cấp uỷ các cấp. Người đứng đầu các cấp phải thực sự mẫu mực, nói đi đôi với làm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân lên trên hết, trước hết. Thường xuyên tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân và thật sự dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Ba là, phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ "then chốt" của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân.

Bốn là, xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; đồng thời, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá.

Năm là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn và có bước đi phù hợp; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đạt được. Đối với những việc mới, khó, phức tạp thì tiến hành thí điểm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất để nhân rộng.

III- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII

Trong những năm tới, tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo. Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vị thế, sức mạnh tổng hợp và uy tín trên trường quốc tế được nâng lên. Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức: Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt gay gắt hơn; các mối đe dọa độc lập, chủ quyền, lợi ích chiến lược của đất nước, nhất là trên Biển Đông; vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên, xu hướng già hoá dân số; tình trạng suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; sự chống, phá quyết liệt của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động...

Tình hình nêu trên sẽ tác động mạnh, nhiều chiều đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

1. Phương hướng

Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương. Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm

soát chặt chẽ quyền lực. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, gần dân, tin dân, trọng dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Để thực hiện phương hướng nêu trên, cần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp sau:

2.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kiên định những nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng.

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Tiếp tục nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, cơ chế, quy định; thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống có hiệu quả chủ nghĩa cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Coi trọng nâng cao năng lực dự báo và ứng phó với các thách thức, diễn biến rất nhanh, khó lường của tình hình. Khi hoạch định đường lối, chủ trương, giải pháp phải bám sát và xuất phát từ thực tiễn, đánh giá tác động, cân đối, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, né tránh trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân.

2.2. Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng

Công tác tư tưởng phải kết hợp giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, làm cho tư tưởng tiến bộ, tích cực thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, có tác dụng uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, cải tạo những tư tưởng lạc hậu, đẩy lùi những sai trái. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động trong Đảng và nhân dân. Đổi mới và triển khai đồng bộ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tề quan liêu, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, nói không đi đôi với làm trong cán bộ, đảng viên.

Dự báo sát, chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, kịp thời xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội bảo đảm sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh, phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động cung cấp thông tin chính xác, khách quan, đúng định hướng để phòng, chống "diễn biến hòa bình", thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội. Tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của các cơ quan báo chí; tập trung đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý báo chí, phóng viên, biên tập viên có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức trong sáng và tinh thông nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; phát huy hơn nữa vai trò của văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ công tác tuyên truyền, bảo đảm an ninh tư tưởng trên môi trường không gian mạng.

Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổng kết thực tiễn 40 năm đổi mới để bổ sung, phát triển lý luận của Đảng. Tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Củng cố các cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị của Đảng và Nhà nước. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

nghiên cứu các vấn đề lý luận khó, phức tạp phát sinh từ thực tiễn hoặc tồn tại trong thời gian dài; những vấn đề chưa rõ về cơ sở lý luận, còn có nhiều ý kiến khác nhau, mạnh dạn cho thí điểm, tổng kết kịp thời để có kết luận nhằm thống nhất về mặt nhận thức; tạo cơ chế, môi trường thuận lợi và bố trí nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu lý luận. Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận; đầu tư xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận; có cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng, đãi ngộ các chuyên gia đầu ngành.

Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo và hiện đại; đưa việc bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp đi vào nền nếp, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa học tập lý luận với rèn luyện, thử thách cán bộ trong thực tiễn để nâng cao bản lĩnh chính trị; khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên. Tập trung xây dựng, củng cố, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ giảng viên chính trị, báo cáo viên; kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các trường chính trị.

2.3. Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình từ Trung ương đến chi bộ; cấp uỷ cấp trên chủ động gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân ở những nơi có vấn đề phức tạp, có biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; coi trọng kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hàng ngày. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng; đấu tranh có hiệu quả với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, cơ hội, cục bộ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên "tự soi", "tự sửa" và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên. Kịp thời

biểu dương những điển hình tiên tiến, những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống; đấu tranh mạnh mẽ với các biểu hiện lệch lạc và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm đạo đức, lối sống.

Thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Nêu gương phải thực sự trở thành một nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, kết hợp với phát huy vai trò giám sát của báo chí và nhân dân đối với việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Kết hợp giữa giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Thực hiện có hiệu quả việc giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và cán bộ chủ chốt.

2.4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Tiếp tục nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới. Đẩy mạnh việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Hoàn thiện thể chế, bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng. Đánh giá, hoàn thiện mô hình tổ chức đảng theo ngành, lĩnh vực và những nơi có đặc điểm riêng.

Sơ kết, tổng kết những mô hình thí điểm và nhân rộng những mô hình mới có hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh theo lộ trình phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính các cấp.

Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, sàng lọc khách quan để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Làm tốt công tác tư tưởng; giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với các trường hợp do ảnh hưởng trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

2.5. Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

Kiên toàn tổ chức cơ sở đảng phù hợp với việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp uỷ cơ sở.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp uỷ viên cơ sở, nhất là bí thư cấp uỷ. Thực hiện chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị; cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân, bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch uỷ ban nhân dân ở những nơi đủ điều kiện; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các chi bộ, đảng viên vi phạm quy định, nguyên tắc sinh hoạt đảng. Nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện thí điểm việc tổ chức sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở những chi bộ có đông đảng viên. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng, nhân sinh quan cách mạng cho đảng viên. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, nghiên cứu khoa học, trong lực lượng vũ trang, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp. Đẩy mạnh phát triển về số lượng, nâng cao chất lượng đảng viên ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo theo phương châm "Ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên". Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Thường xuyên rà soát, đơn giản hoá quy trình, thủ tục trong công tác quản lý đảng viên.

2.6. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ. Coi trọng đánh giá chất lượng, hiệu quả, sản phẩm thực tế theo chức trách, nhiệm vụ được giao và đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Chú trọng cơ cấu hợp lý, sớm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

Giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; đồng thời, có cơ chế khuyến khích, bảo vệ những cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế Đảng lãnh đạo công tác cán bộ, cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền về công tác cán bộ. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong từng khâu của công tác cán bộ, nhất là đối với người đứng đầu cấp uỷ đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch uỷ ban nhân dân. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát, chống chạy chức, chạy quyền. Không để lọt những người không xứng đáng, không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhưng cũng không để sót những cán bộ thực sự có đức, có tài. Kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ. Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật của Nhà nước và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài và cơ chế đánh giá cán bộ. Mở rộng việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng trong hệ thống chính trị. Thí điểm chủ trương người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu với cấp có thẩm quyền để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp uỷ giới thiệu để bầu uỷ viên ban thường vụ và chịu trách nhiệm về việc giới thiệu; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài; Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị và chú trọng vấn đề chính trị hiện nay. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phân tử cơ hội, bất mãn chính trị. Bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm những cán bộ có động cơ sai trái, tư tưởng cục bộ, bè phái, "lợi ích nhóm", lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng, Internet, mạng xã hội... để xuyên tạc, kích động, gây mất đoàn kết nội bộ.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng "trung thành, trung thực, trong sáng, gương mẫu, tinh thông, chuyên nghiệp", nhất là cán bộ tham mưu cấp chiến lược, chuyên gia đầu ngành đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới. Chú trọng lựa chọn và bố trí đúng người đúng đầu cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ các cấp. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, tạo bước phát triển mới lý luận về công tác xây dựng Đảng.

2.7. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tiếp tục tạo chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của toàn Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế, quy trình nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Cải tiến, đổi mới phương pháp, kỹ năng, quy trình công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, bảo đảm khách quan, dân chủ, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, khả thi. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn dễ xảy ra tiêu cực, nơi người dân có nhiều bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất và kiểm tra dấu hiệu vi phạm; coi trọng tự kiểm tra, giám sát của các cấp uỷ, tổ chức đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng.

Nâng cao khả năng dự báo về những hành vi vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ để đề ra các chủ trương, biện pháp phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm từ xa, từ sớm.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp, coi trọng giám sát theo chuyên đề. Chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị để ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới.

Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tăng cường sự phối hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước và của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để phát huy sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu lực giám sát, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực.

2.8. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động, của các cấp uỷ đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước và cả hệ thống chính trị; phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới.

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự "gần dân, tin dân, trọng dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân"; thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo". Tăng cường phối hợp, thực hiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; hoàn thiện cơ chế và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp. Chú trọng công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài. Chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân vận. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đa dạng hoá các hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, phù hợp với biến đổi cơ cấu xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kịp thời thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân vận thành pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục cụ thể hoá phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Lãnh đạo thể chế hoá Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nhằm phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Nghiên cứu, ban hành cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ. Tích cực đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác dân vận.

Đổi mới và đẩy mạnh công tác vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm của công dân; đồng thời chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức, mị dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân và quan tâm chăm lo đời sống của nhân dân. Thực hiện nghiêm, có hiệu quả các quy định về dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân giải quyết những kiến nghị chính đáng, hợp pháp của nhân dân và xử lý kịp thời, dứt điểm các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống nhân dân, các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài, không để hình thành các điểm nóng về an ninh, trật tự xã hội.

2.9. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ hơn và hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí và bao che, dung túng, tiếp tay, cho tham nhũng, lãng phí không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nhân dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Coi phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí của cán bộ, đảng viên và nhân dân, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp uỷ, địa phương, cơ quan, đơn vị. Kiên trì giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về đức tính liêm khiết, xây dựng văn hoá tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí.

Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và kịp thời khắc phục những bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nhất là các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong kiểm tra, phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí và bảo vệ người tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ. Kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; từ đó hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để tiến tới không thể tham nhũng.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán; đẩy mạnh điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm những cán bộ những nhiều, vôi vĩnh, gây phiền hà người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên trách có chức năng phòng, chống tham nhũng. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động của thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiểm tra Đảng với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, phát hiện, xử lý tham nhũng. Từng bước mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí ngoài khu vực nhà nước; tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông, báo chí và nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Từ đó nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, để không dám tham nhũng, lãng phí.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập và có chính sách nhà ở, bảo đảm cuộc sống để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác.

2.10. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong điều kiện mới

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương; khắc phục tình trạng ban hành nghị quyết chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi. Đồng thời nâng cao năng lực thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ thể chế hoá và thực hiện có hiệu quả Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, đồng thời tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, vai trò, tính tự chủ, năng động sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Khắc phục tình trạng bao biện, làm thay, hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng.

Các tổ chức đảng và đảng viên nhất là tổ chức, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát gắn với coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở các cấp. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền; thể chế hoá, cụ thể hoá mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ".

Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng nâng cao tính giáo dục, thuyết phục, tính chiến đấu, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân để thực hiện hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức, cơ quan, đơn vị. Đổi mới mạnh mẽ phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tập trung rà soát hệ thống các văn bản của Đảng bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông trong hệ thống chính trị; sửa đổi, bổ sung các văn bản có quy định chồng chéo, mâu thuẫn và huỷ bỏ những văn bản không còn phù hợp. Tăng cường ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của Đảng.

3. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá

Cùng với việc thực hiện toàn diện, đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả ba nhiệm vụ trọng tâm và ba giải pháp đột phá sau:

Ba nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương. (2) Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. (3) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Ba giải pháp đột phá là: (1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ. (2) Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. (3) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực.

Phần thứ hai

TỔNG KẾT THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII I- KẾT QUẢ VIỆC THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Sau Đại hội XII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Ban Bí thư đã ban hành Hướng dẫn số 01- HD/TW, ngày 20/9/2016 về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương nghiên cứu, trình Trung ương bổ sung, sửa đổi và ban hành nhiều quy định, hướng dẫn có liên quan nhằm khắc phục vướng mắc, bất cập trong thi hành Điều lệ Đảng. Việc thi hành các nội dung của Điều lệ Đảng đã được các cấp uỷ, tổ chức đảng triển khai thực hiện nghiêm túc, tạo chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả toàn diện, rõ rệt. Cụ thể:

1. Về đảng viên (Chương I)

Trên cơ sở Điều lệ Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn của công tác xây dựng Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã xây dựng và ban hành Quy định thi hành Điều lệ Đảng, tạo thuận lợi cho việc thi hành Điều lệ Đảng nói chung và triển khai thực hiện công tác đảng viên nói riêng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục cụ thể hoá nhiều nội dung về công tác đảng viên và quản lý đảng viên; nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo; kết luận một số vấn đề về đảng viên làm kinh tế tư nhân; về xác định tuổi của đảng viên; về việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình vào Đảng⁶⁹... Các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương tăng cường tham mưu nghiệp vụ công tác đảng viên, nhất là về nguyên tắc, quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên, chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức, kết nạp đảng viên ở những nơi chưa có tổ chức đảng⁷⁰... Nhìn chung, các quy định về đảng viên, công tác quản lý đảng viên cơ bản phù hợp và đáp ứng tình hình thực tế, được các cấp uỷ, tổ chức đảng triển khai thực hiện nghiêm túc.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác phát triển đảng viên tiếp tục được cấp uỷ các cấp quan tâm lãnh đạo thực hiện đạt kết quả tích cực. Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 31/12/2019, toàn Đảng đã kết nạp 790.150 đảng viên. Nhiều tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có tỉ lệ kết nạp đảng viên tăng bình quân hàng năm cao⁷¹. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên cơ bản được tuân thủ nghiêm túc. Việc kết nạp lại người vào Đảng, kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt được các cấp uỷ xem xét thận trọng, khách quan, bảo đảm đúng quy trình, thủ tục. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đều có ý chí rèn luyện, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong các hoạt động ở cơ sở.

Tại thời điểm 31/12/2019, toàn Đảng có 5.156.953 đảng viên⁷²; cơ cấu đảng viên chuyển biến theo hướng tích cực, tỉ lệ đảng viên trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo ngày càng tăng⁷³.

Cùng với việc quan tâm phát triển đảng viên mới, các cấp uỷ, tổ chức đảng chú trọng và có nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Nhiều cấp uỷ đã cụ thể hoá tiêu chuẩn của người vào Đảng phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị. Trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ của đảng viên, nhất là của số đảng viên kết nạp trong nhiệm kỳ này được nâng lên⁷⁴. Số đảng viên đủ

tư cách hoàn thành nhiệm vụ trở lên theo đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm chiếm tỉ lệ cao.

Quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm vụ của đảng viên cơ bản được chấp hành nghiêm túc. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã cụ thể hoá việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên bằng những hình thức phù hợp với năng lực của đảng viên và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần tăng cường quản lý và đánh giá đảng viên chặt chẽ, chính xác hơn. Ý thức trách nhiệm, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được phân công có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều nơi đã làm tốt việc phân công cấp uỷ viên theo dõi, phụ trách các tổ chức đảng cấp dưới, trực tiếp dự sinh hoạt chi bộ; nhiều chi bộ đã phân công đảng viên theo dõi, phụ trách hộ gia đình.

Hầu hết các cấp uỷ, tổ chức đảng đã bảo đảm quyền của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, trong đó có quyền được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng; ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương; phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời; trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình; khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình. Quyền dân chủ của đảng viên được phát huy trong ban hành các nghị quyết của tổ chức đảng. Đảng viên được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi biểu quyết các công việc của Đảng, góp phần bảo đảm cho tổ chức và chế độ sinh hoạt của Đảng ngày càng dân chủ và thực chất hơn; đồng thời, giúp đảng viên kịp thời nắm bắt tốt hơn đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Công tác quản lý đảng viên có đổi mới. Thủ tục cho đảng viên được giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng chặt chẽ hơn. Việc chuyển sinh hoạt đảng, nhất là chuyển sinh hoạt Đảng ra ngoài nước được đơn giản hoá nhưng vẫn bảo đảm đúng nguyên tắc và tạo thuận lợi cho đảng viên. Việc giải quyết đảng tịch được Trung ương hướng dẫn cụ thể hơn và được các cấp uỷ thực hiện nghiêm túc; trong quá trình giải quyết đảng tịch có sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp trên và cấp dưới, một số trường hợp đặc biệt khó khăn, cấp tỉnh, cấp huyện đã trực tiếp về chi bộ, cấp uỷ cơ sở nơi đảng viên đang sinh hoạt hoặc đã từng sinh hoạt nắm tình hình và giải quyết kịp thời.

Hạn chế:

Một số nơi, còn tình trạng kết nạp người chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện, người có động cơ không đúng đắn vào Đảng⁷⁵; còn có biểu hiện chạy theo số lượng, chưa coi trọng đúng mức chất lượng, chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục quần chúng, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị. Việc kết nạp đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo... vẫn còn nhiều khó khăn. Việc giao chỉ tiêu kết nạp đảng của một số đảng bộ chưa thực sự phù hợp với thực tế.

Vướng mắc, bất cập:

Điều lệ Đảng quy định người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó phấn đấu, rèn luyện, tiến bộ. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị. Việc áp dụng quy định này ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng không thống nhất đối với các trường hợp đảng viên dự bị bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo nhưng chưa đến mức xoá tên khi xét chuyển đảng viên chính thức.

Quy định về điều kiện của người giới thiệu, giúp đỡ quần chúng vào Đảng trong thực tế đang gặp một số vướng mắc trong Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an như: Thời gian để người giúp đỡ quần chúng vào Đảng theo quy định phải cùng công tác với người xin vào Đảng tối thiểu 12 tháng, dẫn đến việc kết nạp đảng viên là chiến sĩ nghĩa vụ (24 tháng) trong Quân đội, Công an gặp khó khăn, do sau thời gian huấn luyện phải chuyển đến đơn vị mới nên không bảo đảm thời gian một năm để cấp uỷ phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ. Việc triển khai thực hiện hướng dẫn về kết nạp đảng đối với đối tượng là công nhân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước phải có kết luận bằng văn bản về tiêu chuẩn chính trị còn gặp khó khăn.

Quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng về công tác quản lý đảng viên chưa bao quát hết tình hình thực tiễn, như: Đối với đảng viên đi làm xa dài ngày, không có điều kiện tham gia sinh hoạt đảng... Quy định về xoá tên đảng viên có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau do thiếu hướng dẫn cụ thể. Việc thực hiện quyền phê bình, chất vấn của đảng viên về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức còn hạn chế do thiếu các quy định cụ thể. Quyền bảo lưu ý kiến của đảng viên cần được nghiên cứu cụ thể hoá hơn để dễ thực hiện.

Quy định về thủ tục, điều kiện xem xét quyết định miễn, giảm sinh hoạt đảng cho đảng viên còn có nội dung chưa chặt chẽ, thủ tục chuyển sinh hoạt đảng còn một số bất cập nên có không ít trường hợp đảng viên là cán bộ, công chức khi nghỉ hưu không chuyển sinh hoạt đảng về nơi cư trú.

2. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức (Chương II)

Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng được quy định trong Điều lệ Đảng đã cơ bản bảo đảm tính bao quát, toàn diện, đầy đủ và phù hợp. Quá trình thực hiện nhìn chung là thuận lợi; các nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng quy định trong Điều lệ Đảng và các quy định hướng dẫn của Trung ương đã được các cấp uỷ, tổ chức đảng tuân thủ và thực hiện nghiêm túc. Trong nhiệm kỳ, để đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung chỉ đạo nghiên cứu, ban hành nhiều văn bản cụ thể hoá nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp được quy định cụ thể hơn⁷⁶. Bổ sung, sửa đổi quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân⁷⁷. Hệ thống tổ chức đảng trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước được quan tâm củng cố và có đổi mới; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối được quy định rõ hơn⁷⁸.

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, hầu hết cấp uỷ, tổ chức đảng đã cụ thể hoá thành các quy định, quy chế, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu; tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, cơ bản khắc phục được tình trạng chông chéo về chức năng, nhiệm vụ, góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp uỷ với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Việc hoàn thiện hệ thống tổ chức đảng tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước, nhất là các cơ quan hợp nhất, chia tách được triển khai tích cực, kịp thời, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với hoạt động của các địa phương, cơ quan, đơn vị sau khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức được tăng cường.

Việc lập và kiện toàn hệ thống tổ chức đảng theo ngành và đơn vị hành chính lãnh thổ được thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, từng bước được đổi mới theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, bảo đảm vai trò lãnh đạo, chỉ đạo

của các cấp uỷ, tổ chức đảng đối với hệ thống chính trị. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng được tổ chức và hoạt động theo các quy định của Điều lệ Đảng và các văn bản cụ thể hoá Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã cơ bản bảo đảm vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng đối với địa phương, cơ quan, đơn vị. Các loại hình tổ chức đảng đã phát huy hiệu quả tích cực trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Quy chế bầu cử trong Đảng⁷⁹ đã tiếp tục cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ trong Điều lệ Đảng được các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên lãnh đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Nguyên tắc, hình thức bầu cử; quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan đến bầu cử; việc ứng cử, đề cử, quy định về số dư, trình tự, thủ tục bầu cử phù hợp với tình hình thực tế. Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XII của Đảng đã góp phần kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên các cấp bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đa số các cấp uỷ, tổ chức đảng đã bám sát Điều lệ Đảng, xây dựng quy chế làm việc, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp uỷ với chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Hệ thống các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn, đổi mới theo hướng tinh gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương được quy định rõ hơn⁸⁰. Tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn và hoàn thiện, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, giảm số lượng lãnh đạo⁸¹.

Hạn chế:

Việc cụ thể hoá Điều lệ Đảng về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng còn có nội dung chưa phù hợp. Nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện chưa nghiêm, thậm chí có nơi còn vi phạm nghiêm trọng. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện hiệu quả thấp, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi.

Vướng mắc, bất cập:

Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức và hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng có nội dung chưa được quy định cụ thể phù hợp với tình hình thực tế, nhất là về mối quan hệ, trách nhiệm giữa tập thể, cá nhân và người đứng đầu, nên khó xác định trách nhiệm của cá nhân khi xảy ra sai phạm.

Một bộ phận cấp uỷ viên chưa nắm vững và chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và của cấp uỷ viên.

Việc cụ thể hoá Điều lệ Đảng về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng còn có nội dung chưa phù hợp⁸²; tổ chức thực hiện ở một số nơi chưa thật sự nghiêm túc, hiệu quả hạn chế.

Quy định về chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng còn một số nội dung cần phải cụ thể thêm, như: Quy định về đảng uỷ khối cơ quan, đảng uỷ khối doanh nghiệp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; quy định về tổ chức đảng ở cơ quan và doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước... Việc sắp xếp tổ chức bộ máy một số cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ mới chỉ tập trung vào tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, chưa coi trọng nâng cao chất lượng hoạt động, gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức.

3. Về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương (Chương III)

Các quy định về Đại hội đại biểu toàn quốc, về Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan lãnh đạo là phù hợp, phát huy hiệu quả trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của đại hội; những chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng và thí điểm một số chủ trương mới, phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Ban Chấp hành Trung ương đã xây dựng Chương trình công tác toàn khoá, ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cơ bản triển khai theo đúng chương trình đề ra, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Quy chế làm việc đã được ban hành. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII đã kế thừa những nội dung phù hợp của khoá trước và bám sát thực tiễn để bổ sung; trong đó phân định rõ ràng, cụ thể hơn nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng. Chương trình làm việc toàn khoá thể hiện sự chỉ đạo toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; coi

trọng hiệu quả. Hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự đoàn kết, thống nhất cao trong các quyết định của mình, nhất là những vấn đề khó, nhạy cảm, phức tạp; góp phần quan trọng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thực sự phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm, huy động trí tuệ tập thể trong việc cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XII thành các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định, quy chế⁸³ và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trong toàn Đảng.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã dành thời gian làm việc với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, kiểm tra và tìm hiểu thực tế ở cơ sở. Các cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương đã tăng cường giao ban định kỳ với các cấp uỷ, tổ chức đảng, các ban đảng, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương để nắm tình hình và chỉ đạo phối hợp xử lý các vấn đề mới nảy sinh.

Hạn chế:

Cơ cấu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng chưa thật sự hợp lý giữa các đảng bộ địa phương với tổ chức đảng ở bộ, ngành Trung ương.

Một số văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng ban hành chưa kịp thời và có một số nội dung chưa thật sát thực tiễn.

4. Về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương (Chương IV)

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương được quy định trong Điều lệ Đảng cơ bản là phù hợp. Để cụ thể hoá các quy định của Điều lệ Đảng, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Trung ương đã ban hành nhiều văn bản, quy định phù hợp tình hình thực tế⁸⁴, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; của cấp uỷ, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ cấp huyện được quy định cụ thể hơn. Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng, đã quy định về số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra làm cơ sở để kiện toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương nhiệm kỳ tới.

Trên cơ sở quy định của Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chế theo hướng xác định rõ thẩm quyền của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ; phân công nhiệm vụ cho từng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ. Căn cứ quy chế làm việc, các vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp uỷ, ban thường vụ được đưa ra bàn bạc, quyết định tập thể. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng nhìn chung đã theo đúng thẩm quyền. Nội dung, hình thức sinh hoạt cấp uỷ ngày càng được đổi mới theo hướng thiết thực và hiệu quả, thể hiện được vai trò lãnh đạo của Đảng ở địa phương.

Việc thực hiện quy trình chỉ định cấp uỷ và bổ sung phương hướng, nhiệm vụ đối với tổ chức đảng thành lập mới, hợp nhất, sáp nhập, chia tách trong nhiệm kỳ được thực hiện nghiêm túc. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đảng và cấp uỷ hoạt động liên tục, nhất là trong quá trình sắp xếp các đơn vị hành chính, các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp uỷ đảng, không phải tổ chức đại hội nhiều lần.

Hạn chế:

Cơ cấu đại biểu dự đại hội theo ngành và theo địa phương chưa thật sự hợp lý. Số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ các cấp còn một số bất hợp lý cả về cơ cấu và độ tuổi; vẫn còn một số nơi, chất lượng cấp uỷ viên chưa cao, ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của cấp uỷ.

Việc cụ thể hoá, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của một số cấp uỷ còn chậm. Việc chỉ đạo cụ thể hoá và tổ chức thực hiện một số nội dung trong các chủ trương, nghị quyết của Đảng có nơi, có lúc, có mặt thiếu quyết liệt, chưa kịp thời, hiệu quả thấp.

5. Về tổ chức cơ sở đảng (Chương V)

Các quy định của Điều lệ Đảng và các văn bản cụ thể hoá thi hành Điều lệ Đảng trong nhiệm kỳ về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng cơ bản đáp ứng tình hình thực tế. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành một số chủ trương về xây dựng tổ chức cơ sở đảng; bổ sung, sửa đổi quy định về: Chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng; tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước; hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng⁸⁵.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả. Với vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở,

thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, đa số tổ chức cơ sở đảng đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng hằng năm tiếp tục được đổi mới, từng bước khắc phục bệnh thành tích, đúng thực chất hơn, góp phần bảo đảm việc thi hành Điều lệ Đảng chặt chẽ, nghiêm túc.

Vướng mắc, bất cập:

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận chưa được quy định cụ thể, phù hợp nên hoạt động còn lúng túng, vướng mắc. Quy định lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở có hơn 30 đảng viên, phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý chưa được thực hiện nghiêm.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ thường kỳ ở khu dân cư còn hạn chế do số lượng đảng viên đông, trụ sở chật hẹp, nhất là ở các đô thị lớn. Việc sinh hoạt định kỳ mỗi năm hai lần đối với đảng bộ cơ sở còn gặp khó khăn, nhất là các đảng bộ có đông đảng viên, hoạt động phân tán trên phạm vi rộng. Việc quản lý đối với đảng viên đi làm xa nơi cư trú, đảng viên ở những chi bộ hoạt động phân tán còn khó khăn, bất cập.

Việc quy định tổ chức sinh hoạt chi bộ định kỳ trong một số loại hình doanh nghiệp và ở ngoài nước còn vướng mắc, bất cập.

Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng ở các loại hình doanh nghiệp như: Doanh nghiệp thuộc sở hữu tập thể, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp tư nhân... chưa phù hợp, chậm được hoàn thiện.

6. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam (Chương VI)

Quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cơ bản phù hợp với đặc thù của công tác xây dựng Đảng ở các đảng bộ này. Nội dung các quy định đã bảo đảm và khẳng định sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, Công an và phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội và Công an tiếp tục được kiện toàn⁸⁶. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam⁸⁷. Vị trí, vai trò lãnh đạo của tổ chức

đảng trong Quân đội và Công an ngày càng được khẳng định và tăng cường; chức năng, nhiệm vụ của các loại hình đảng bộ, chi bộ trong Quân đội và Công an được rà soát và bổ sung, sửa đổi⁸⁸; chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận trong Quân đội và Công an được quy định rõ hơn, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

Quy định đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ tham gia đảng uỷ quân khu là cần thiết. Tổ chức đảng quân sự, công an địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ địa phương cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ quân sự, đảng uỷ công an cấp trên về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đã khẳng định vai trò quan trọng của cấp uỷ địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo giữ vững quốc phòng, an ninh và cơ chế song trùng lãnh đạo là phù hợp; đồng thời, góp phần phát huy hiệu quả vai trò của công tác đảng đối với Quân đội, Công an ở địa phương.

Vướng mắc, bất cập:

Hệ thống tổ chức đảng trong doanh nghiệp Quân đội chưa được hoàn thiện theo mô hình tổ chức mới. Tổ chức và hoạt động của một số tổ chức đảng trong Công an không có tổ chức chính quyền tương ứng còn vướng mắc, bất cập. Cơ chế phối hợp giữa cấp uỷ công an cấp trên với cấp uỷ địa phương cấp dưới trong lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ công an cùng cấp chưa được đồng bộ, chặt chẽ.

Cơ cấu đảng uỷ công an cấp tỉnh, cấp huyện chưa tăng cường được sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương đối với công an cùng cấp.

7. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp (Chương VII)

Quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp cơ bản phù hợp và phát huy hiệu quả, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng. Bám sát Điều lệ Đảng, Trung ương đã lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, bổ sung, hoàn thiện các văn bản, các quy định về uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ và bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra để thực hiện⁸⁹.

Bộ Chính trị đã ban hành một số quy định cụ thể về xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm⁹⁰. Ban Bí thư đã cụ thể hoá một số nội dung về chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát; về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên⁹¹ ...

Điểm mới trong nhiệm kỳ này là kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương ngay từ năm đầu triển khai. Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo hướng siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nội dung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, chú trọng chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp uỷ các cấp⁹² đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, dư luận bức xúc⁹³.

Việc thực hiện các quy định trong Điều lệ Đảng về kiểm tra, giám sát đã góp phần để các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Qua đó, nâng cao hiệu lực thi hành Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

Hạn chế:

Trong các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng có nội dung chưa bao quát hết những vấn đề mới phát sinh, khi áp dụng còn lúng túng, vướng mắc, khó thực hiện. Việc thi hành Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp chưa nghiêm, hiệu quả còn hạn chế.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề chưa thường xuyên, có nơi còn buông lỏng; hiệu quả giám sát còn thấp. Việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại một số tổ chức cơ sở đảng còn gặp khó khăn, nhất là ở các doanh nghiệp.

8. Về khen thưởng và kỷ luật (Chương VIII)

Nhìn chung, quy định trong Điều lệ Đảng về khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên đã đáp ứng yêu cầu thực tế, làm cơ sở để xem xét, biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng, đảng viên có thành tích. Việc bổ sung quy định tặng Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng cho đảng viên là phù hợp, đáp ứng nguyện vọng của đảng viên, được sự đồng tình, thống nhất trong Đảng.

Các quy định về kỷ luật đảng cơ bản phù hợp. Việc thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên nhìn chung thực hiện nghiêm, kịp thời, đúng thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc, đúng quy trình, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước, được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đánh giá cao.

Cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn uỷ ban kiểm tra cấp dưới kiểm tra những vụ việc phức tạp, nhạy cảm, tồn đọng kéo dài, dư luận quan tâm. Việc thực hiện nghiêm túc các quy định về kỷ luật đảng đã góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước, được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đánh giá cao.

Vướng mắc, bất cập:

Trong một số trường hợp, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền cấp uỷ cấp dưới quản lý thì việc thi hành kỷ luật còn gặp khó khăn, vướng mắc và phát sinh thêm thủ tục, thời gian kéo dài.

Quy định kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên chưa được một số tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nghiêm túc, có hiện tượng nể nang, né tránh, cục bộ, "bệnh thành tích".

9. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Chương IX)

Quy định Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện là phù hợp. Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy chế theo hướng đồng bộ, tổng thể, liên thông và phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức.

Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu được thực hiện nghiêm túc. Việc quy định các tổ chức đảng giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm, ứng cử vào chức danh lãnh đạo của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội đã tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Quy định về thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội đã bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức đó. Tổ chức và hoạt

động của đảng đoàn, ban cán sự đảng nhìn chung đã bám sát chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Vướng mắc, bất cập:

Việc phân định chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng, đảng đoàn và cấp uỷ đảng trong cùng một tổ chức, cơ quan, đơn vị có điểm chưa thật hợp lý.

Trong lãnh đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có việc còn trùng lặp, chưa được phân định rõ ràng. Việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm và phối hợp công tác giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với đảng uỷ cơ quan, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

10. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Chương X)

Điều lệ Đảng xác định vai trò, vị trí của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là phù hợp, làm cơ sở để các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ cho Đảng.

Quy định đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn cơ bản được thực hiện nghiêm túc. Qua đó, đề cao trách nhiệm của đảng viên trẻ đối với tổ chức đoàn, đồng thời, đây là những nhân tố tích cực xây dựng tổ chức đoàn, là những tấm gương để các đoàn viên trẻ học tập, noi gương phấn đấu vào Đảng.

Quy định Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên, đại diện quyền lợi của thanh niên, phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có vai trò kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là phù hợp.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã thường xuyên quan tâm, trực tiếp lãnh đạo tổ chức đoàn trong việc xác định phương hướng, nhiệm vụ chính trị, công tác tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã chú trọng nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên, tạo môi trường cho đoàn viên, thanh niên được rèn luyện, thử thách, cống hiến; tạo điều kiện để đoàn viên, thanh niên phát huy vai trò xung kích, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu trong học tập, lao động và cuộc sống, hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng, tích cực tham gia xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Hạn chế:

Còn có cấp uỷ, tổ chức đảng chậm cụ thể hoá cơ chế Đảng lãnh đạo về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ đối với tổ chức đoàn thành quy định, quy chế; chưa thực sự quan tâm đúng mức tới việc lãnh đạo, chăm lo xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và hành động.

11. Tài chính của Đảng (Chương XI)

Quy định về nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên trong Điều lệ Đảng và một số quy định mới bổ sung cơ bản phù hợp, được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến cơ sở.

Công tác quản lý tài chính đảng đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm chỉ đạo cụ thể hoá; đề cao kỷ luật, kỷ cương, tính hiệu quả trong quản lý sử dụng tài chính, tài sản của Đảng bảo đảm đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng các cấp uỷ đã chủ động tham mưu đề xuất, ban hành một số văn bản cụ thể hoá việc triển khai thực hiện⁹⁴.

Công tác kiểm tra, kiểm toán đối với quản lý tài chính đảng ngày càng được tăng cường và có hiệu quả, cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đã tích cực nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách đặc thù cho phù hợp với thực tiễn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ quản lý tài chính đảng. Công tác kiểm tra, kiểm toán của uỷ ban kiểm tra các cấp, kiểm toán nhà nước đối với công tác quản lý tài chính đảng ngày càng được mở rộng cả về phạm vi và nội dung kiểm tra, kiểm toán, góp phần chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, đưa công tác tài chính đảng từng bước đi vào nền nếp.

Hạn chế:

Công tác tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ về nguyên tắc, định hướng đổi mới công tác tài chính, tài sản và hoạt động của một số doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; việc hướng dẫn cụ thể hoá thực hiện các luật mới ban hành của Trung ương cũng như của các cấp uỷ địa phương trong một số lĩnh vực còn chậm. Việc bổ sung, sửa đổi, ban hành một số chế độ, chính sách, thu chi, định mức tiêu chuẩn trang bị tài sản cho các trường hợp, lĩnh vực đặc thù, mô hình tổ chức mới còn chậm.

Trình độ, năng lực, trách nhiệm của một số cán bộ làm công tác quản lý tài chính đảng còn hạn chế, nhất là cán bộ tham mưu. Việc chậm cập nhật các quy định về cơ chế, chế độ quản lý tài chính, tài sản dẫn tới lúng túng trong quá trình thực hiện; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý còn hạn chế. Công tác

quản lý tài chính đối với doanh nghiệp của Đảng ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí để xảy ra sai phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

II- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Nội dung các quy định của Điều lệ Đảng về đảng viên, về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng, về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và địa phương, về tổ chức cơ sở đảng, về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam, về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, về khen thưởng và kỷ luật, về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và về tài chính của Đảng cơ bản phù hợp tình hình thực tế.

Sau Đại hội XII, Trung ương đã sớm bổ sung, sửa đổi Quy định thi hành Điều lệ Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành các quy định, hướng dẫn tương đối đồng bộ, thống nhất để thực hiện trong toàn Đảng. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và địa phương cơ bản đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Đảng.

Việc thi hành nghiêm túc các quy định của Điều lệ Đảng đã bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; khẳng định sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội và Công an; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Đạt được những kết quả nêu trên là do: (1) Những nội dung quy định của Điều lệ Đảng cơ bản phù hợp tình hình thực tiễn và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên. (2) Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. (3) Trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được đề cao. (4) Sự chủ động, tích cực của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp. (5) Ý thức tự giác chấp hành của tổ chức đảng, đảng viên và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân. (6) Kế thừa được những kết quả, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước.

2. Hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân

Hạn chế: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thi hành Điều lệ Đảng của Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng có lúc chưa quyết liệt. Việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng chưa được quan tâm đúng mức. Cán bộ chuyên trách công tác xây dựng Đảng ở một số nơi chưa nắm vững Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương để tham mưu cho cấp uỷ. Một bộ phận cấp uỷ viên, đảng viên chưa chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, thậm chí còn vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên. Nguyên tắc tập trung dân chủ có nơi, có lúc thực hiện chưa nghiêm, thậm chí còn vi phạm.

Vướng mắc, bất cập và nguyên nhân: Quá trình thi hành Điều lệ Đảng còn gặp một số vướng mắc, bất cập như: Hình thức sinh hoạt định kỳ của chi bộ có đông đảng viên, hoạt động phân tán; sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở; chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận; cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong Công an nhân dân, cơ cấu cấp uỷ viên trong đảng uỷ công an cấp tỉnh, cấp huyện chưa có thành phần các đồng chí uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp ngoài lực lượng công an; phạm vi, nhiệm vụ, thẩm quyền của uỷ ban kiểm tra; việc bố trí cán bộ kiểm tra chuyên trách cho các đảng bộ cơ sở có từ 300 đảng viên trở lên; công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với tổ chức đảng cấp dưới... Những vướng mắc, bất cập nêu trên chủ yếu liên quan đến nội dung trong các quy định, hướng dẫn của Trung ương, nhưng cũng có một số nội dung cần phải nghiên cứu để đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình hiện nay và phù hợp với thực tế.

Trên cơ sở tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị Đại hội XIII của Đảng xem xét, quyết định giữ nguyên Điều lệ Đảng hiện hành (không bổ sung, sửa đổi); giao Bộ Chính trị khoá XIII chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Trung ương và góp ý của các cấp uỷ, tổ chức đảng để điều chỉnh bằng các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII.

III- VỀ NGHIÊN CỨU BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương⁹⁵ đã quyết định trình Đại hội XIII của Đảng xem xét, quyết định giữ nguyên Điều lệ Đảng hiện hành; đồng thời, gửi dự thảo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII xin ý kiến đại hội đảng bộ các cấp.

Qua tổng hợp đến thời điểm hiện nay cho thấy, đa số ý kiến đều đồng tình với Nghị quyết số 53-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 11. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến tiếp tục đề nghị xem xét có thể bổ sung, sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Đảng.

Để tiếp tục lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các tổ chức, cá nhân, Trung ương sẽ gửi dự thảo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII xin ý kiến các đại biểu Quốc hội khoá XIV, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân. Đồng thời, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo tổng hợp đầy đủ ý kiến tham gia của đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân để báo cáo Hội nghị Trung ương 14 cho ý kiến về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

¹ Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và 10 nghị quyết về các lĩnh vực khác.

² Ban hành 129 nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, kế hoạch, hướng dẫn...

³ Thực hiện một số mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và Chiến lược an ninh mạng quốc gia; về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; việc chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhất là công tác chuẩn bị nhân sự.

⁴ Trong nhiệm kỳ, cấp uỷ cấp tỉnh đã ban hành 6.254 văn bản. Trong đó: 120 nghị quyết, 321 chỉ thị, 652 quy định, 442 chương trình, 883 quyết định, 115 quy chế, 132 kết luận, 1.994 kế hoạch, 161 đề án, 1.434 văn bản khác.

⁵ Những vấn đề phức tạp về an ninh, đối ngoại, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ ở Biển Đông, đại dịch Covid-19...

⁶ Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Kết luận số 29-KL/TW, ngày 31/01/2018 về tổng kết 10 năm thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về đảng viên làm kinh tế tư nhân.

⁷ Đảng ta đã hợp tác nghiên cứu lý luận với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cu-ba, Đảng Dân chủ Tự do Nhật Bản và một số đảng cầm quyền khác.

⁸ Nhiều báo có chuyên trang, chuyên mục về xây dựng Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chương trình "Đảng trong cuộc sống hôm nay" của Đài Truyền hình Việt Nam...; đặc biệt, ra đời giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng "Búa Liềm Vàng", giải báo chí "Báo chí với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí".

⁹ Hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 khóa XII được truyền trực tuyến tới 2.700 điểm cầu với hơn 405.000 cán bộ, đảng viên tham dự.

¹⁰ Thực tế cho thấy văn học, nghệ thuật hiện nay còn ít những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

¹¹ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 phê duyệt Đề án văn hoá công vụ; nhiều địa phương ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, đảng viên với nhân dân; góp phần thực hiện nếp sống văn hoá mới trong việc tổ chức cưới hỏi, ma chay, giỗ, tết, sinh nhật...

¹² Năm 2016, Bộ Chính trị đã gọi ý kiểm điểm 18 tập thể và 3 cá nhân; năm 2017, Ban Bí thư gọi ý kiểm điểm 33 tổ chức đảng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; thành lập các đoàn công tác dự, chỉ đạo kiểm điểm ở những nơi được gọi ý kiểm điểm. Năm 2017, 2018, 2019, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành lập 15 đoàn kiểm tra về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị tại 30 địa phương và các cơ quan Trung ương. Sau kiểm tra, kịp thời ban hành Thông báo kết luận số 48-TB/TW, ngày 27/4/2018 và Thông báo kết luận số 54-TB/TW, ngày 16/4/2019 về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị để tiếp tục chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng rút kinh nghiệm, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết, quy định, chỉ thị của Trung ương; Thông báo kết luận số 171-TB/TW, ngày 09/3/2020 về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII gắn với việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định về nêu gương.

¹³ Năm 2017, các cấp uỷ đã gọi ý kiểm điểm đối với 11.005 tập thể và 27.868 cá nhân; năm 2018, các cấp uỷ đã gọi ý kiểm điểm 5.591 tập thể và 9.037 cá nhân; năm 2019, các cấp uỷ đã gọi ý kiểm điểm 5.790 tập thể và 7.376 cá nhân.

¹⁴ Quân uỷ Trung ương phát động phong trào thi đua "Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ"; Đảng uỷ Công an Trung ương phát động phong trào thi đua "Công an nhân dân thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy"; Thành uỷ Hà Nội phát động phong trào thi đua xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ; Tỉnh uỷ Bình Định phát động phong trào thi đua "Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới"; Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh phát động phong trào thi đua "Nghe dân nói, nói dân nghe"...

¹⁵ Ban Bí thư đã chỉ đạo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thủ tướng Chính phủ đã khen thưởng 70 tập thể, 145 cá nhân tiêu biểu. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức Lễ Tổng kết đợt hoạt động "Tuổi trẻ Việt Nam nhớ lời Di chúc theo chân Bác", biểu dương 392 đảng viên trẻ tiêu biểu. Các cấp uỷ, tổ chức đảng sơ kết, khen thưởng nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu.

¹⁶ Theo Báo cáo số 18-BCĐT/DLXH, ngày 03/02/2020 về kết quả thăm dò dư luận xã hội về một số vấn đề của đất nước của Ban Tuyên giáo Trung ương: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" được cán bộ, đảng viên đánh giá đạt kết quả đáng phấn khởi tăng từ 39% năm 2018 lên 59% năm 2019; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, "lợi ích nhóm" được cán bộ, đảng viên đánh giá đạt kết quả đáng phấn khởi tăng từ 29% năm 2018 lên 48% năm 2019.

¹⁷ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

¹⁸ Bộ Chính trị đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết 22-NQ/TW, ngày 15/3/2018 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 34-KL/TW, ngày 07/8/2018 về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW.

¹⁹ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 56/2017/QH14, ngày 24/11/2017 về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14, ngày 12/3/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 03/02/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 32/NQ-CP, ngày 14/5/2019 về kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức...

²⁰ Bộ Chính trị ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các ban đảng Trung ương; Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ban Bí thư ban hành Quy định số 04-

QĐi/TW, ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, thành uỷ; Quy định số 09-QĐi/TW, ngày 13/11/2018 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 202-QĐ/TW, ngày 02/8/2019 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ cấp huyện; Quyết định số 162-QĐ/TW, ngày 05/12/2018 về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương...

²¹ Tính đến ngày 31/12/2019, giảm 4 đầu mối trực thuộc Trung ương, 97 đầu mối trực thuộc cấp tỉnh; 6 tổng cục và tương đương; 19 cục, vụ, 90 đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương; 3.768 phòng, đội và tương đương; giảm 4.963 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 3.646 đầu mối trong các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương... Giảm 10.386 cấp trưởng, cấp phó ở các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện. Giảm 3.306 cấp trưởng, 4.080 cấp phó ở các đơn vị sự nghiệp công lập địa phương.

²² Hợp nhất 3 văn phòng cấp tỉnh (Đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân); ban tổ chức cấp uỷ với cơ quan nội vụ; uỷ ban kiểm tra cấp uỷ với cơ quan thanh tra; trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch uỷ ban Mặt trận Tổ quốc; trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện...

²³ Đến ngày 31/12/2019, đã giảm 6 đơn vị hành chính cấp huyện, 565 đơn vị hành chính cấp xã. Các tỉnh, thành phố đã giảm 10.639 thôn, tổ dân phố...

²⁴ Sau 4 năm thực hiện, đã giảm được 539.926 người (giảm 14,78% so với biên chế giao tại thời điểm 30/4/2015). Biên chế khối đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã giảm 11,24%. Đã giảm 41.089 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (giảm 21,7% so với thời điểm 30/4/2015) và 222.351 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (giảm 31,2% so với thời điểm 30/4/2015).

²⁵ Báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tài chính: Đã giảm trên 10.000 tỉ đồng (theo kế hoạch giao năm 2019) kinh phí hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời, dự toán chi thường xuyên của cả nước năm 2018 chiếm 61,8% tổng chi ngân sách nhà nước, giảm 3,1% so với năm 2017, tương đương trên 30.000 tỉ đồng (vẫn bảo đảm tăng lương cơ sở 7%/năm) và thấp hơn kế hoạch 2016 - 2020 (dưới 64%), chi cho đầu tư phát triển từ 19,7% năm 2016 lên 26,2% theo dự toán năm 2018.

²⁶ Tính đến ngày 31/12/2019, toàn Đảng có 54.349 tổ chức cơ sở đảng (83 đảng bộ cơ sở mà đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở, 25.699 đảng bộ cơ sở, 28.567 chi bộ cơ sở), giảm 2.164 tổ chức cơ sở đảng so với đầu nhiệm kỳ; trực thuộc đảng uỷ cơ sở có 2.408 đảng bộ bộ phận và 256.480 chi bộ với 5.156.953 đảng viên, tăng 522.885 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ.

²⁷ Kết luận số 38-KL/TW, ngày 13/11/2018 của Bộ Chính trị về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên"; Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới; ...

²⁸ Hiện nay có 29 quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

²⁹ Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 16-KL/TW, ngày 07/7/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2021.

³⁰ Cơ quan hành chính 76,90%; đơn vị sự nghiệp 85,35%, doanh nghiệp nhà nước 88,01%.

³¹ Có 21.456 bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; 32.736 bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận và 2.861 bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận.

³² Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 31/12/2019, đã kết nạp được 790.150 đảng viên, bình quân 196.136 đảng viên/năm. Trình độ đảng viên mới kết nạp được nâng lên (41,5% từ đại học trở lên, trong đó có 26.114 thạc sĩ, 1.199 tiến sĩ), cơ cấu hợp lý theo hướng trẻ hoá và tăng tỉ lệ nữ (67,7% là đoàn viên, 43,7% là nữ).

³³ Đến ngày 31/12/2019, đã có 7.161 đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân.

³⁴ Đến ngày 31/12/2019, chỉ còn 1.582 thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng, chiếm 1,58% tổng số thôn, tổ dân phố; giảm 810 thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng so với đầu nhiệm kỳ.

³⁵ Đến ngày 31/12/2019, tỉ lệ tổ chức đảng chỉ chiếm 0,86% trong tổng số doanh nghiệp tư nhân; tỉ lệ đảng viên chỉ chiếm 0,94% tổng số lao động trong doanh nghiệp tư nhân.

³⁶ Đến ngày 31/12/2019, tỉ lệ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên là 31,84%.

³⁷ Số đảng viên bỏ sinh hoạt đảng phải xoá tên trong 3 năm 2016, 2017 và 2018 lần lượt là: 2.414, 3.084 và 3.521.

³⁸ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kết luận số 75-KL/TW, ngày 30/5/2020 về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

³⁹ Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch số 10-KH/TW, ngày 06/6/2018 để thực hiện Nghị quyết; Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 90-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (nay là Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020); Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 19/12/2017 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 08/3/2018 về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; Kết luận số 24-KL/TW, ngày 15/12/2017 về nguyên tắc điều động, phân công, bố trí công tác đối với cán bộ diện Trung ương quản lý; ... Ban Bí thư ban hành Thông báo số 13-TB/TW, ngày 17/8/2016 về xác định tuổi của đảng viên; Kết luận số 55-KL/TW, ngày 15/8/2019 về tiếp tục chấn chỉnh công tác cán bộ để chuẩn bị tốt nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng.

⁴⁰ Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 31/12/2019, Trung ương đã mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho các đồng chí Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khoá XII và triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho 181 cán bộ quy hoạch cấp chiến lược nhiệm kỳ Đại hội XIII; tổ chức 258 đoàn, với 5.570 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Các cấp uỷ chỉ đạo mở 4.629 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 404.241 lượt cán bộ, đảng viên về lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ; mở 29.970 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 3.537.306 lượt học viên.

⁴¹ Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 31/12/2019, Trung ương đã luân chuyển, điều động 15 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng (cả dự khuyết) điều động, luân chuyển giữ chức bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và phó ban đảng; 3 đồng chí Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng luân chuyển giữ chức phó bí thư tỉnh uỷ; 10 đồng chí luân chuyển giữ chức phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và thứ trưởng; 1 đồng chí điều động, bổ nhiệm giữ chức thứ trưởng. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã luân chuyển 704 cán bộ từ cấp tỉnh về cấp huyện và 380 cán bộ từ cấp huyện lên cấp tỉnh; 3.608 cán bộ từ cấp huyện về cấp xã và 1.701 cán bộ từ cấp xã lên cấp huyện.

⁴² Tại Thông báo kết luận số 43-TB/TW, ngày 28/12/2017 của Bộ Chính trị về kết quả kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị khoá XI về đẩy mạnh công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo gắn với thực hiện Quy chế bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử.

⁴³ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, có 86/128 (chiếm 67,2%) địa phương, cơ quan, đơn vị có một số trường hợp thiếu điều kiện, tiêu chuẩn hoặc sai về quy trình, thủ tục; cả nước có 55.697/2.169.908 trường hợp thiếu tiêu chuẩn, điều kiện, chiếm 2,56% so với tổng số được rà soát và 2.827/2.169.908 trường hợp sai về quy trình, thủ tục, chiếm 0,13% so với tổng số được rà soát.

⁴⁴ Kết luận số 48-KL/TW, ngày 26/4/2019 của Ban Bí thư về kết quả tự kiểm tra, rà soát thực hiện công tác cán bộ theo Thông báo kết luận số 43-TB/TW, ngày 28/12/2017 của Bộ Chính trị.

⁴⁵ Từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 31/12/2019, riêng ở Trung ương đã rà soát, thẩm định, kết luận về tiêu chuẩn chính trị 4.232 lượt hồ sơ cán bộ; qua thẩm định đã đề nghị không phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm 112 trường hợp.

⁴⁶ Hiện nay, qua rà soát, còn 29 nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng về tổ chức và cán bộ.

⁴⁷ Tỷ lệ cấp ủy viên cấp tỉnh là nữ chiếm 10,6%; là trẻ (dưới 40 tuổi) là 5,72%. Tỷ lệ cấp ủy viên cấp huyện là nữ 17%; là trẻ (dưới 40 tuổi) là 14,4%.

⁴⁸ Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng; Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; các hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về các quy định nêu trên; Quy định số 07-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm...

⁴⁹ Chỉ tính trong 4 năm (từ năm 2016 đến năm 2019) đã kiểm tra 220.560 tổ chức đảng và 1.060.542 đảng viên; ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 13.619 tổ chức đảng và 40.941 đảng viên. Qua kiểm tra đã thi hành kỷ luật 1.063 tổ chức đảng và 45.990 đảng viên bằng các hình thức khác nhau. Riêng Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra 47 tổ chức đảng, 52 đảng viên, trong đó có 9 đồng chí Ủy viên Trung ương và thi hành kỷ luật 92 đảng viên. Các cấp ủy đã giám sát 145.535 tổ chức đảng và 494.270 đảng viên; ủy ban kiểm tra các cấp đã giám sát 151.214 tổ chức đảng và 102.484 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp đã nhận được 80.986 đơn, thư tố cáo, phản ánh tổ chức đảng, đảng viên, trong đó đơn phải giải quyết là 20.751; đã giải quyết tố cáo 6.847 đảng viên, sau giải quyết tố cáo có kết luận đúng, đúng một phần là 3.439 đơn (chiếm 50,2%); đã giải quyết tố cáo 243 tổ chức đảng, đã kết luận tố cáo đúng có vi phạm đối với 74 tổ chức đảng, đúng một phần đối với 120 tổ chức đảng, phải thi hành kỷ luật 9 tổ chức đảng. Cấp ủy các cấp đã giải quyết khiếu nại của 484 đảng viên, đã giải quyết xong 443 trường hợp (đạt 91,3%), kết quả giữ nguyên hình thức kỷ luật 359 trường hợp, tăng hình thức kỷ luật 15 trường hợp, giảm hình thức kỷ luật 46 trường hợp, xoá kỷ luật 23 trường hợp; ủy ban kiểm tra các cấp đã giải quyết khiếu nại của 486 đảng viên, đã giải quyết xong 436 trường hợp (đạt 92,0%), kết quả giữ nguyên hình thức kỷ luật 277 trường hợp, tăng hình thức kỷ luật 13 trường hợp, giảm hình thức kỷ luật 98 trường hợp, xoá kỷ luật 48 trường hợp.

⁵⁰ Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019, của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những

phản ánh, kiến nghị của dân; Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới"; Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới; Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư ban hành Hướng dẫn khung để các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới"...

⁵¹ Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/5/2016 về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới.

⁵² Theo Báo cáo 515-BC/BDVTW về "Kết quả thực hiện năm dân vận chính quyền", năm 2019, có 478.237 lượt công dân đến cơ quan hành chính nhà nước khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (tăng 4,3% so với năm 2018), với 304.209 vụ việc (tăng 9,1%), 4.611 lượt đoàn đông người (giảm 0,6%). Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp 20.233 lượt công dân (tăng 19,6%) với 3.992 vụ việc (giảm 19,2%), 530 lượt đoàn đông người (tăng 10,6%). Các bộ, ngành tiếp 57.907 lượt công dân, với 53.942 vụ việc, 204 lượt đoàn đông người, so với năm 2018 giảm 3,7% số lượt công dân, 5,4% số vụ việc và 0,5% lượt đoàn đông người. Các địa phương đã tiếp 400.097 lượt công dân, với 246.275 vụ việc, 3.877 lượt đoàn đông người; so với năm 2018 tăng 4,9% số lượt công dân và tăng 13,6% số vụ việc, giảm 1,9% số lượt đoàn đông người.

⁵³ Các cấp uỷ đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức hơn 90.000 hội nghị đối thoại giữa cấp uỷ, chính quyền với nhân dân.

Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì nhiều cuộc đối thoại với doanh nghiệp, công nhân, nông dân để tiếp nhận các kiến nghị, chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các chính sách có liên quan.

⁵⁴ Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về việc ban hành quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

⁵⁵ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức 10 chương trình giám sát về các vấn đề, lĩnh vực có ý nghĩa cấp bách với toàn xã hội; phản biện một số văn bản quan trọng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh tổ chức 721 cuộc giám sát, 784 hoạt động phản biện; cấp huyện tổ chức 6.404 cuộc giám sát, 4.403 hoạt động phản biện và cấp xã tổ chức 49.564 cuộc giám sát, 25.834 hoạt động phản biện. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân đã có 32.064 ý kiến góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

⁵⁶ Theo Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng các năm 2016, 2017, 2018, 2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng: Đã tổ chức 147.693 lớp tập huấn, hội nghị, cuộc họp để quán triệt, giới thiệu về phòng, chống tham nhũng với hơn 6,7 triệu lượt cán bộ, công chức, viên chức và người dân tham gia và xuất bản hơn 677.000 cuốn sách, tài liệu về phòng, chống tham nhũng. Thống kê 40 tờ báo Trung ương và địa phương đã có trên 10.000 tin, bài phản ánh về đề tài phòng, chống tham nhũng.

⁵⁷ Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Kết luận số 10-KL/TW, ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá X "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"; Quy định số 01-QĐ/TW, ngày 10/5/2018 về trách nhiệm và thẩm quyền của uỷ ban kiểm tra trong công tác phòng, chống tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Luật

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Tố cáo năm 2018; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đấu giá tài sản; ...

⁵⁸ Trong đó, có 24 Ủy viên Trung ương Đảng và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 2 Ủy viên Bộ Chính trị; 26 sĩ quan cấp tướng trong Quân đội, Công an.

⁵⁹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử 44 vụ án (518 bị cáo) nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; với 3 án tử hình, 11 án chung thân, 5 bị cáo bị phạt tù với mức án 30 năm, 414 bị cáo bị phạt tù từ 12 tháng đến dưới 30 năm, cải tạo không giam giữ 15 bị cáo. Điển hình như: 6 vụ án xảy ra tại Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin); Công ty cổ phần VN Pharma; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; vụ án Phan Văn Anh Vũ; vụ án Đinh Ngọc Hệ; vụ án Nguyễn Văn Dương, Phan Sào Nam; vụ án Phạm Công Danh và đồng phạm; vụ án AVG...

⁶⁰ Năm 2016, tỉ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng đạt 26%. Năm 2017, đạt 29,4%. Năm 2018, đạt 19%. Năm 2019, đạt 47,32%. Riêng các vụ việc, vụ án tham nhũng kinh tế nghiêm trọng, phức tạp diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản hơn 59.000 tỉ đồng.

⁶¹ Theo báo cáo của Ban cán sự đảng Bộ Tài chính: Thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW, ngày 18/11/2006 về chủ trương cơ cấu lại ngân sách theo hướng giảm tỉ trọng chi thường xuyên, tăng tỉ trọng chi đầu tư phát triển. Việc thực hiện mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung; sắp xếp xe ô tô công theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công tại nhiều bộ, ngành, địa phương đã phát huy hiệu quả, giảm số lượng xe ô tô công, kinh phí sử dụng xe, nhân viên lái xe, tăng hiệu suất sử dụng xe, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước, dư luận xã hội đồng tình. Chỉ tính riêng tiết kiệm trong chi đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2016 đến năm 2018 được 7.814 tỉ đồng.

⁶² Cục Phòng, chống tham nhũng thuộc Thanh tra Chính phủ có 5 lãnh đạo cục, 5 phòng nghiệp vụ với tổng số 40 công chức; Cục C03 Bộ Công an có 7 lãnh đạo cục, 14 phòng nghiệp vụ với hơn 380 cán bộ, chiến sĩ. Vụ 5, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có 4 lãnh đạo vụ, 4 phòng nghiệp vụ và 24 công chức (tính đến ngày 31/12/2019)...

⁶³ Đầu tư, khai thác các công trình giao thông theo hình thức BOT; quản lý và sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài; cải cách tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà

nước; quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hoá; quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản...

⁶⁴ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận để lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại và công tác cán bộ. Quốc hội đã ban hành 44 luật, 1 pháp lệnh để thể chế hoá các nghị quyết của Đảng.

⁶⁵ Trong đó có 3 kế hoạch về xây dựng Đảng: Kế hoạch số 04-KH/TW, ngày 16/11/2016 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 4; Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6; Kế hoạch số 10-KH/TW, ngày 06/6/2018 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7.

⁶⁶ Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp uỷ và ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 168-QĐ/TW, ngày 28/12/2018 của Ban Bí thư ban hành quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; Quyết định số 162-QĐ/TW, ngày 05/12/2018 của Ban Bí thư ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương; Quy định số 202-QĐ/TW, ngày 02/8/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ cấp huyện; các cơ quan Nhà nước cơ bản rà soát lại chức năng, nhiệm vụ theo các nghị quyết của Trung ương.

⁶⁷ Trong 4 năm (2016 - 2019), Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thành lập trên 40 đoàn kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương.

⁶⁸ Một số cấp uỷ, tổ chức đảng đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát để xảy ra nhiều vi phạm, khuyết điểm kéo dài.

⁶⁹ Bộ Chính trị ban hành: Quy định số 06-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 quy định một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo, tham gia sinh hoạt tôn giáo; Kết luận số 29-KL/TW, ngày 31/01/2018 về tổng kết 10 năm thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đảng viên làm kinh tế tư nhân.

Ban Bí thư ban hành: Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra

khỏi Đảng; Quy định số 05-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 về việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình vào Đảng; Thông báo kết luận số 13-TB/TW, ngày 17/8/2016 về xác định tuổi của đảng viên...

⁷⁰ Ban Tổ chức Trung ương ban hành Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW, ngày 05/6/2017 về nghiệp vụ công tác đảng viên...

⁷¹ Hậu Giang (14,7%); Vĩnh Phúc (14%); Đảng uỷ ngoài nước (10,1%); Bắc Ninh (8,9%); Lào Cai (8,8%); Ninh Bình (7,5%); Bà Rịa - Vũng Tàu (7,5%); Quân uỷ Trung ương (6,1%); Gia Lai (6,0%); Thái Nguyên (5,5%); Bạc Liêu (3,4%); Cao Bằng (3,3%); Cần Thơ (3,1%)...

⁷² Trong đó: Ở xã, phường, thị trấn có 3.302.243 đảng viên (64%); ở các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp có 794.282 đảng viên (15,4%); ở các tổ chức đảng trong Quân đội, Công an có 605.565 đảng viên (12%); ở các doanh nghiệp, hợp tác xã là 422.381 đảng viên (8%); ở các tổ chức đảng ngoài nước có 12.209 đảng viên (0,2%), ở cơ sở khác 20.273 đảng viên (0,4%).

⁷³ Trong số 790.150 đảng viên mới được kết nạp, 67,67% là đoàn viên, 43,72% là nữ, 5,8% là công nhân, 12,2% là nông dân, 23,5% là học sinh, sinh viên, 15,35% là người dân tộc thiểu số.

⁷⁴ Tính đến ngày 31/12/2019, có 2.353.965 đảng viên có trình độ đại học và cao đẳng (tăng 34,59% so với cùng kỳ năm 2014); 213.966 đảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (tăng 81,29% so với cùng kỳ năm 2014). Trong số 790.150 đảng viên mới được kết nạp từ đầu nhiệm kỳ, 56% có trình độ từ đại học trở lên.

⁷⁵ Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

⁷⁶ Ban Bí thư ban hành: Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ; Quyết định số 162-QĐ/TW, ngày 05/12/2018 về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương; Quyết định số 168-QĐ/TW, ngày 28/12/2018 về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương...

⁷⁷ Bộ Chính trị ban hành Quy định số 59-QĐ/TW, ngày 22/12/2016 về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Ban Bí thư ban hành Quy định số 61-QĐ/TW, ngày 29/12/2016 về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 192-QĐ/TW, ngày 18/5/2019 của Bộ Chính trị về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam.

⁷⁸ Ban Bí thư ban hành Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 13/02/2017 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối.

⁷⁹ Ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI.

⁸⁰ Bộ Chính trị ban hành: Quyết định số 60-QĐ/TW, ngày 26/12/2016 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Cơ quan Uỷ ban Kiểm tra Trung ương; Quyết định số 144-QĐ/TW, ngày 08/8/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương; Quyết định số 152-QĐ/TW, ngày 26/10/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương; Quyết định số 166-QĐ/TW, ngày 18/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Kinh tế Trung ương; Quyết định số 171-QĐ/TW, ngày 16/01/2019 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng; Quyết định số 199-QĐ/TW, ngày 31/7/2019 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tạp chí Cộng sản; Quyết định số 216-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Nội chính Trung ương. Ban Bí thư ban hành Quyết định số 215-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương.

⁸¹ Ban Bí thư ban hành Quy định số 04-QĐ/TW, ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, thành uỷ.

⁸² Hệ thống tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng: Đảng bộ cơ sở trong đảng bộ cơ sở; đảng bộ trong các tập đoàn kinh tế; đảng uỷ khối các cơ quan; chi bộ trực thuộc đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng...

⁸³. Đề án về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; về công tác cán bộ; về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; về phát triển kinh tế tư nhân; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hội nhập kinh tế...; quy định về trách nhiệm nêu gương.

⁸⁴. Ban Bí thư ban hành: Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ; Quyết định số 168-QĐ/TW, ngày 28/12/2018 về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; Quy định số 202-QĐ/TW, ngày 02/8/2019 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ cấp huyện; Quy định số 04-QĐ/TW, ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, thành uỷ...

⁸⁵ Bộ Chính trị ban hành: Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú. Ban Bí thư ban hành: Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; Quy định số 127-QĐ/TW, ngày 01/3/2018 về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn; Quy định số 112-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là đảng bộ quân sự huyện)...

⁸⁶ Quân uỷ Trung ương có 60 đảng bộ trực thuộc; 181 đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở; 4.508 tổ chức cơ sở đảng (1.863 đảng bộ cơ sở, 2.645 chi bộ cơ sở); 894 đảng bộ bộ phận. Ở địa phương: Có 61 đảng bộ bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; 2 đảng bộ bộ tư lệnh; 44 đảng bộ bộ đội biên phòng cấp tỉnh; 1.931 tổ chức cơ sở đảng (1.549 đảng bộ cơ sở, 382 chi bộ cơ sở); 52 đảng bộ bộ phận; có 5.325 chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Đảng uỷ Công an Trung ương có 71 đảng bộ trực thuộc; 12 đảng bộ cấp trên cơ sở; 59 đảng bộ cơ sở. Ở công an địa phương: Có 63 đảng bộ công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 711 đảng bộ công an cấp huyện trực thuộc cấp uỷ cấp huyện và các chi bộ công an xã, phường, thị trấn.

⁸⁷ Bộ Chính trị ban hành: Quy định số 59-QĐ/TW, ngày 22/12/2016 về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 192-QĐ/TW, ngày 18/5/2019 về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam.

⁸⁸ Ban Bí thư ban hành: Quy định số 61-QĐ/TW, ngày 29/12/2016 về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 111-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở đơn vị chiến đấu trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 112-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 về chức

năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là đảng bộ quân sự huyện); Quy định số 113-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở ở cơ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở ở đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Quy định số 115-QĐ/TW, ngày 25/01/2018 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở ở đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính trong Quân đội nhân dân Việt Nam...

Ban Bí thư ban hành: Quy định số 91-QĐ/TW, ngày 16/8/2017 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị nghiệp vụ trinh sát, điều tra thuộc Công an nhân dân; Quy định số 92-QĐ/TW, ngày 16/8/2017 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu tập trung thuộc Công an nhân dân; Quy định số 93-QĐ/TW, ngày 16/8/2017 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng thuộc Công an nhân dân; Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 16/8/2017 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Công an nhân dân; Quy định số 95-QĐ/TW, ngày 16/8/2017 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan thuộc Công an nhân dân...

⁸⁹ Các quy định về uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ và bầu uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra; số lượng, cơ cấu uỷ ban kiểm tra các cấp; cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ và tăng thẩm quyền cho uỷ ban kiểm tra.

⁹⁰ Bộ Chính trị ban hành: Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 về giám sát trong Đảng; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quy định số 07-QĐ/TW, ngày 28/8/2018 về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm.

⁹¹ Ban Bí thư ban hành: Quy định số 109-QĐ/TW, ngày 03/01/2018 về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; Quy định số 195-QĐ/TW, ngày 18/6/2019 về chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

⁹² Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp uỷ các cấp đã kiểm tra 168.682 tổ chức đảng và 782.907 đảng viên, có 171.330 đảng viên là cấp uỷ viên các cấp (22%). Trong đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã kiểm tra 50 đảng viên, 80 tổ chức đảng. Uỷ ban Kiểm tra

Trung ương và uỷ ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 10.255 tổ chức đảng và 30.709 đảng viên. Trong đó, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra 14 tổ chức đảng và 44 đảng viên (nhiệm kỳ XI là 11 tổ chức đảng và 24 đảng viên); có 8 đồng chí là Uỷ viên Trung ương Đảng; uỷ ban kiểm tra các cấp kiểm tra 10.220 tổ chức đảng và 30.665 đảng viên; kết luận có 6.941 tổ chức đảng (68%), 23.774 đảng viên (77%) có vi phạm; phải thi hành kỷ luật 453 tổ chức đảng, 11.246 đảng viên.

⁹³ Quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; sử dụng ngân sách trong việc đầu tư công, mua tài sản, đi công tác, nghiên cứu ở nước ngoài; quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ phòng, chống thiên tai.

⁹⁴ Hướng dẫn số 03-HD/VPTW, ngày 06/7/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện chế độ đảng phí; Quy định số 09-QĐ/VPTW, ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương.

⁹⁵ Ban Chấp hành Trung ương tán thành trình Đại hội XIII của Đảng xem xét, quyết định giữ nguyên Điều lệ Đảng hiện hành (không bổ sung, sửa đổi); giao Bộ Chính trị khoá XIII chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Trung ương và góp ý của các cấp uỷ, tổ chức đảng để điều chỉnh bằng các quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG